

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28/12/2020

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên

Ông Phạm Công Định

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy H - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:* Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 198/2020/HNGĐ-ST ngày 02/11/2020, về việc " *Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2020/QĐ-ST ngày 10/12/2020 giữa:

1. N đơn: Anh Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 07/01/ 1979.

HKTT:Thôn Y, xã L, huyện T, tỉnh Hòa Bình.

Nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã N, huyện S, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ng, sinh ngày 28/5/1983.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, xã N, huyện S, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

Hiện đang lao động tại Nhật Bản.

3. Người có quyền lợi Ng vụ liên quan: Ông Nguyễn Huy N, sinh năm 1949 và bà Trần Thị T, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện S, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn anh Nguyễn Mạnh H trình bày: anh và chị Ng được tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã N, huyện S ngày 13/5/2005. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được 9 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế khó khăn, vợ chồng thống nhất thỏa thuận để chị Ng đi Nhật Bản lao động. Thời gian đầu vợ chồng có liên lạc với nhau nhưng từ năm 2017 hai bên đã chấm dứt liên lạc. Từ khi đi Nhật Bản, chị Ng có về Việt Nam một lần nhưng vợ chồng không gặp nhau, vì lúc đó anh đang làm việc tại Hải Phòng. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Ng.

Về con chung: Anh và chị Ng có 3 con chung là cháu Nguyễn Mỹ U, sinh ngày 09/8/2005, cháu Nguyễn Thùy D, sinh ngày 05/3/2008 và cháu Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 20/10/2010. Hiện các cháu đang ở với bà ngoại, ly hôn thông qua gia đình anh và chị Ng thỏa thuận, anh nuôi cháu U và cháu D, còn chị Ng nuôi cháu Đ. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án do anh H không cung cấp được địa chỉ của chị Nguyễn Thị Ng tại Nhật Bản, nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã lấy lời khai của ông Nguyễn Huy N và bà Trần Thị T là bố mẹ đẻ chị Ng, đồng thời yêu cầu ông N, bà T cung cấp địa chỉ của chị Ng ở nước ngoài. Ông bà xác định, chị Ng đi Nhật Bản lao động từ năm 2015, năm 2017 chị Ng có về thăm gia đình một lần sau đó tiếp tục đi Nhật Bản lao động và từ đó đến nay chị Ng chưa về Việt Nam lần nào. Hiện tại chị Ng đã ra ngoài lao động, không có địa chỉ cụ thể nên ông bà không thể cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên chị Ng thường xuyên liên lạc về gia đình, việc anh H làm đơn ly hôn ông bà có biết. Ông bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị Ng biết. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, ông N, bà T đã thông tin cho chị Ng. Chị Ng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nay anh H có đơn ly hôn chị đồng ý và đề nghị giải quyết vắng mặt. Về con chung, chị có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Hữu Đ và đồng ý để anh H nuôi cháu Nguyễn Mỹ U và cháu Nguyễn Thùy D. Thời gian không ở Việt Nam chị Ng ủy quyền cho bố mẹ đẻ chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đ. Ông N bà T có quan điểm đồng ý nuôi dưỡng cháu Đ trong thời gian chị Ng không có mặt tại Việt Nam. Về tài sản chung chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Các cháu Nguyễn Mỹ U, Nguyễn Thùy D, Nguyễn Hữu Đ là con chung của chị Ng và anh H đều có quan điểm nếu bố mẹ ly hôn thì cháu U, cháu Đ có nguyện vọng được ở với bố, còn cháu Đ có nguyện vọng được ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và N đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của anh H và chị Ng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh H được ly hôn chị Ng; về con chung: Giao con chung Nguyễn Mỹ U, sinh ngày 09/8/2005, Nguyễn Thùy D, sinh ngày 05/3/2008 cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 20/10/2010 cho chị Ng chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không cung cấp được địa chỉ của chị Ng tại Nhật Bản. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần yêu cầu gia đình chị Ng cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Do vậy áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh H có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Mạnh H và chị Nguyễn Thị Ng tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Hải Dương ngày 13/5/2005, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được 9 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, năm 2015 chị Ng đi nước ngoài lao động, do xa cách địa lý dẫn đến vợ chồng nghi ngờ, mất niềm tin, hai bên không tìm thấy tiếng nói chung. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn. Thông qua gia đình, chị Ng cũng có quan điểm đồng ý ly hôn. Xét thấy, thực tế cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không tìm thấy tiếng nói chung nên có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H.

- *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị Ng và anh Nguyễn Mạnh H có ba con chung là Nguyễn Mỹ U, sinh ngày 09/8/2005, Nguyễn Thùy D, sinh ngày

05/3/2008 và Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 20/10/2010. Hiện các cháu đang ở với ông bà ngoại. Ly hôn chị Ng, anh H thỏa thuận anh H nuôi cháu U và cháu D, chị Ng nuôi cháu Đ. Cháu U và cháu D cũng có nguyện vọng được ở với bố. Cháu Đ có nguyện vọng được ở với mẹ. Ông N, bà T là bố mẹ đẻ chị Ng có quan điểm đồng ý nuôi dưỡng cháu Đ giúp chị Ng trong thời gian chị Ng không ở Việt Nam. Xét thấy việc thỏa thuận của anh H, chị Ng là tự nguyện và cũng phù hợp với nguyện vọng của các con, phù hợp với điều kiện thực tế của cả 2 anh chị. Do vậy có căn cứ chấp nhận. Trong thời gian chị Ng không có mặt ở Việt Nam, tạm giao cháu Đ cho ông Nguyễn Huy N và bà Trần Thị T chăm sóc nuôi dưỡng.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Mạnh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Mạnh H được ly hôn chị Nguyễn Thị Ng.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Mỹ U, sinh ngày 09/8/2005, Nguyễn Thùy D, sinh ngày 05/3/2008 cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 20/10/2010 cho chị Ng chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Trong thời gian chị Ng không ở Việt Nam, tạm giao cháu Đ cho ông Nguyễn Huy N và bà Trần Thị T chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Chị Ng, anh H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Mạnh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh H đã nộp, theo biên lai thu số AA/2018/0004755 ngày 30 tháng 10 năm 2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Mạnh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Ng được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Hải Dương
- Các đương sự.
- Cục thi hành dân sự.
- UBND xã N
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền